

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2019/HS-PT

Ngày: 14-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Phước Tự

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Vững

Ông Huỳnh Thanh Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Thanh Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Nên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 177/2018/TLPT-HS ngày 29 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Minh T, do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C và kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T đối với bản án sơ thẩm số: 22/2019/HS-ST ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

Họ và tên: **Nguyễn Minh T** (tên gọi khác: T Ba Địch), sinh năm 1989, tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị Ngọc Ng; Tiền án: Ngày 02/12/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/7/2018, chưa được xóa án tích; Tiền sự: Ngày 15/4/2019, bị Công an huyện C ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 3.500.000đ về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác; tạm giữ ngày 01/3/2019; tạm giam ngày 04/3/2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại không kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 01/01/2019, Nguyễn Minh T đứng trước nhà tại ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp thì Võ Thị Xuân Tr, sinh năm 1974 đi bộ ngang qua, do nhớ lại mâu thuẫn việc tranh chấp đất giữa gia đình của T với gia đình chị Tr trước đó nên T lấy con dao bấm cán nhựa lưỡi kim loại bỏ vào túi quần rồi ra đứng cặp lề đường đal để chờ Tr đi về sẽ gây thương tích cho Tr. Đúng như dự tính 13 phút sau Tr trở về đi ngang qua thì T cầm dao bấm chạy đến đâm trúng vào vai trái của Tr một cái, chị Tr bỏ chạy được khoảng 04m thì té ngã xuống đường, T rượt theo và tiếp tục dùng dao bấm đâm chị Tr thêm nhiều nhát vào vùng lưng, vai, hông, mông lúc này có anh Ngô Văn Vũ Ph ở gần đó phát hiện chạy đến can ngăn thì T bỏ chạy. Ngay lúc đó, chị Tr được người thân trong gia đình đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp, do thương tích nặng nên được chuyển viện lên bệnh viện C điều trị đến ngày 11/01/2019 thì ra viện với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 49% (Tổn thương trên do vật có cạnh sắc nhọn gây ra).

Về phía bị cáo T, sau khi gây án đã bỏ trốn khỏi địa phương lên Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống ở nhiều nơi khác nhau, nhằm trốn tránh lệnh truy nã của cơ quan có thẩm quyền. Đến ngày 01/3/2019, bị cáo T trở về đầu thú tại Công an huyện C, đồng thời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung đã trình bày trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2019/HS-ST ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/3/2019.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.190.000đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01 tháng 7 năm 2019, bị cáo Nguyễn Minh T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù, lý do bị cáo cho rằng mức án sơ thẩm nặng.

Ngày 05/7/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-HCL, đề nghị sửa bản án sơ thẩm phần án phí dân sự theo hướng tăng mức chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh giữ nguyên kháng nghị và bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh phát biểu quan điểm: Viện kiểm sát cho rằng khi tính án phí dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm chỉ tính án phí trên số tiền buộc bị cáo bồi thường dân sự, chứ không tính phần án phí của khoản tiền bồi thường mà hai bên thỏa thuận tại phiên tòa. Việc tính án phí dân sự như án sơ thẩm là không đúng với Điều 23 và điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần II danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội gây thiệt hại cho Nhà nước nên Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, tăng mức chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền bồi thường là 125.674.000đ (cả phần thỏa thuận được và không thỏa thuận được).

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo, Viện kiểm sát cho rằng khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ mà bị cáo đã được hưởng, trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ, thủ đoạn phạm tội cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nguyên nhân điều kiện dẫn đến phạm tội, đồng thời nhân thân bị cáo là người có tiền án, tiền sự nên cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Nguyễn Minh T 08 năm tù là đúng pháp luật. Ngoài ra, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo T là nằm trong khung hình phạt nhưng án sơ thẩm ghi nhận trong phần nhận định của Tòa án áp dụng Điều 54 là có nhầm lẫn, đề nghị Hội đồng xét xử chỉnh sửa cho phù hợp. Từ đó, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ y án sơ thẩm về mức hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Minh T.

Bị cáo Nguyễn Minh T không có phát biểu tranh luận, trong lời nói sau cùng bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt tù cho bị cáo để sớm về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Minh T thừa nhận thực hiện hành vi dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại Võ Thị Xuân Tr với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 49%. Do đó, án sơ thẩm kết tội bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng mức án 08 năm tù của cấp sơ thẩm xử phạt là quá nặng, nên bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là hết sức nguy hiểm cho xã hội và gây tổn thương đến sức khỏe của người bị hại một cách rất nghiêm trọng, nguyên nhân phạm tội của bị cáo là do tư thù cá nhân, hành động phạm tội là quyết liệt đến cùng, phạm tội có dự mưu trước, sau khi phạm tội bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra, lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm, bản thân bị cáo đã có tiền sự. Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ mà bị cáo đã được hưởng và phải chịu, mức án sơ thẩm tuyên là có căn cứ, đúng với tính chất, mức độ phạm tội và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới, cho nên cấp phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Minh T là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[2] Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát cho rằng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mức án sơ thẩm tuyên xử là có căn cứ đúng với mức độ cũng như tính chất phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, mức án 08 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, cho nên không có căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Từ cơ sở đó, Kiểm sát viên yêu cầu HĐXX bác kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ y án sơ thẩm về hình phạt tù, lời đề nghị này của Viện kiểm sát là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị sửa bản án sơ thẩm về mức chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy: Số tiền bị cáo bồi thường thiệt hại sức khỏe cho bị hại Võ Thị Xuân Tr bao gồm: khoản thỏa thuận được tại phiên tòa là 61.874.000đ (chi phí điều trị thương tích; tiền thu nhập thực tế của người nuôi bệnh) cộng với số tiền 63.800.000đ (tổn thất tinh thần và tiền công lao động của bị hại) mà bị hại và bị cáo không thỏa thuận được nhưng có đủ căn cứ để buộc bị cáo bồi thường, tổng số bị cáo phải bồi thường cho bị hại Võ Thị Xuân Tr là 125.674.000đ (thỏa thuận được 61.874.000đ + không thỏa thuận được 63.800.000đ = 125.674.000đ), đây là số tiền bồi thường dân sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng bản án sơ thẩm chỉ tuyên án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 63.800.000đ, mà không tính phần án phí của số tiền 61.874.000đ mà bị cáo và bị hại đã thỏa thuận được tại phiên tòa. Việc tính án

phí dân sự như án sơ thẩm là vi phạm quy định ở đoạn thứ 02 điểm f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, cụ thể có quy định “Tại phiên tòa, đương sự, bị cáo thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại thì họ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như trường hợp Tòa án đưa ra xét xử vụ án đó”. Cho nên, kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ cần phải được chấp nhận toàn bộ, sửa bản án sơ thẩm phần án phí, tăng mức chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra nhận thấy rằng, án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo Nguyễn Minh T bồi thường thiệt hại sức khỏe cho bị hại Võ Thị Xuân Tr chia ra hai phần gồm phần thỏa thuận được và phần không thỏa thuận được là chưa đảm bảo đúng nguyên tắc và gây khó hiểu, trong trường hợp cụ thể này phải tổng hợp tất cả các khoản bồi thường để tuyên bị cáo bồi thường cho bị hại mới chính xác. Bên cạnh đó, trong phần nhận định áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm e, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Minh T nhưng Tòa án cấp sơ thẩm có sự nhầm lẫn khi ghi nhận Điều 54, đây là sai sót không nghiêm trọng nhưng cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm. Vì vậy cấp phúc thẩm cần phải điều chỉnh cách tuyên về trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm cho phù hợp.

[4] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Án phí sơ thẩm bị sửa theo hướng tăng mức chịu án phí dân sự sơ thẩm như kháng nghị của Viện kiểm sát huyện C nên bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bị cáo bồi thường là 125.674.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo Nguyễn Minh T, giữ nguyên phần quyết định bản án sơ thẩm số: 22/2019/HS-ST ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C về hình phạt tù.

2. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, sửa án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm, tăng mức án phí dân sự sơ

thẩm của bản án sơ thẩm số: 22/2019/HS-ST ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh T 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/3/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 590 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải bồi thường cho bị hại Võ Thị Xuân Tr số tiền 125.674.000đ (*Một trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi bốn ngàn đồng*) gồm các khoản thỏa thuận được 61.874.000đ (chi phí điều trị thương tích, tiền thu nhập thực tế của người nuôi bệnh) + không thỏa thuận được 63.800.000đ (tổn thất tinh thần và tiền công lao động của bị hại) = 125.674.000đ).

Đối với tiền bồi thường khi có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong.

4. Về án phí: Căn cứ vào điểm f khoản 1 Điều 23 và điểm b tiêu mục 1.3 mục 1 phần II danh mục kèm theo của Nghị Quyết 326/2016UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm và 6.284.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra 1 - TANDTC;
- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND - VKSND H. C;
- Chi cục THADS H. C;
- Cơ quan CSĐT CA H. C;
- Cơ quan THAHS CA H. C;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, HSVA (Tr).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Phước Tự

